SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐẠO TẠO
TỈNH ĐẮK LẮK

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi gồm 7 câu, 2 trang)

KÌ THI LẬP ĐỘI TUYỂN DỰ THI QUỐC GIA
NĂM HỌC 2015 - 2016

MÔN: ĐỊA LÝ 12

(Thời gian làm bài: 180 phút, *không kể giao đề*)
Ngày thi: 22/10/2015

Câu 1. *(3,0 điểm)*

a) Khí áp là gì? Nêu những nguyên nhân làm thay đổi khí áp.

b) Trên Trái Đất có mấy dải hội tụ nhiệt đới? Dải hội tụ nhiệt đới giống và khác frông ở những điểm chủ yếu nào?

Câu 2. *(2,0 điểm)*

Tại sao ngành công nghiệp dệt - may và công nghiệp thực phẩm lại được phân bố rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển?

Câu 3. *(3,0 điểm*)

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy phân tích tác động của địa hình đến sự hình thành đặc điểm sông ngòi của miền tự nhiên Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Câu 4. *(3,0 điểm)*

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy so sánh điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển ngành thủy sản giữa Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

b) Hệ thống đảo và quần đảo nước ta có vai trò như thế nào trong phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh vùng biển?

Câu 5. *(3,0 điểm)*

a) Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

Giá trị sản xuất ngành trồng trọt theo giá so sánh năm 2010 phân theo nhóm cây trồng.

(Đơn vị: Tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Trong đó				
		Cây lương thực	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Rau đậu	Cây khác
2005	331424,4	194774,7	78970,0	20449,2	30887,0	6343,5
2012	433176,8	240678,8	115929,4	27523,6	43564,6	5480,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2013, Nhà xuất bản Thống kê, 2014)

Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta năm 2012 so với năm 2005.

b) Tại sao nước ta cần phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành trong nông nghiệp?

Câu 6. *(3,0 điểm)*

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy so sánh hai trung tâm công nghiệp Hải Phòng và Đà Nẵng.

Câu 7. *(3,0 điểm)*

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy giải thích vì sao Đông Nam Bộ trở thành vùng kinh tế phát triển nhất nước ta hiện nay.

Hết

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam (Nhà xuất bản Giáo dục), không được sử dụng các tài liệu khác.

*Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh: ..... Số báo danh: .....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
GIA
TỈNH ĐẮK LẮK

KỲ THI LẬP ĐỘI TUYỂN DỰ THI QUỐC

NĂM HỌC 2015 - 2016

MÔN : ĐỊA LÍ 12 - THPT

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

(Đáp án gồm 4 trang, 7 câu)

Câu	Nội dung	Điểm
1		**3,0**
a	*Khái niệm Sức nén không khí trong bầu khí quyển xuống bề Trái Đất gọi là khí áp. Tùy theo tình trạng của không khí (co lại hay nở ra) mà tỉ trọng không khí sẽ thay đổi, do đó khí áp cũng thay đổi theo. *Nguyên nhân thay đổi của khí áp - Khí áp thay đổi theo độ cao Càng lên cao không khí loãng nên sức nén càng nhỏ, khí áp giảm - Khí áp thay đổi theo nhiệt độ Nhiệt độ tăng làm không khí nở ra, tỉ trọng giảm đi, khí áp giảm. Nhiệt độ giảm, không khí co lại, tỉ trọng tăng nên khí áp tăng. - Khí áp thay đổi theo độ ẩm. Không khí chứa hơi nước nhẹ hơn không khí khô, vì thế không khí nhiều hơi nước thì không khí củng giảm.	*0,25* *0,25* *0,25* *0,25*
b	*Trên Trái Đất chỉ có một dải hội tụ nhiệt đới chung cho cả 2 bán cầu. *Những điểm giống nhau giữa dải hội tụ nhiệt đới và frông - Đều là nơi gặp nhau của 2 khối khí - Đều gây nhiễu loạn thời tiết và thường có mưa nhiều - Đều có sự chuyển động tương đối theo chuyển động biểu kiến của Mặt Trời *Những điểm khác nhau giữa dải hội tụ nhiệt đới và frông - Frông là diện phân cách giữa hai khối khí khác nhau về tính chất vật lí còn dải hội tụ nhiệt đới là nơi gặp nhau của hai khối khí nóng ẩm chỉ khác nhau về hướng gió. - Khi frông đi qua có sự thay đổi nhiệt độ, còn dải hội tụ thì nhiệt độ ít thay đổi - Mưa frông là do không khí nóng gặp không khí lạnh, còn dải hội tụ nhiệt đới là do áp thấp. - Phạm vi hoạt động của frông tập trung ở ôn đới còn dải hội tụ nhiệt đới chỉ nằm trong vùng xích đạo. Mỗi bán cầu có 2 frông là frông địa cực (FA) và frông ôn đới (FP).	*0,25* *0,25* *0,25* *0,25* *0,25* *0.25* *0,25* *0,25*
2		**2,0**
	- So với các ngành công nghiệp khác, công nghiệp dệt - may và công nghiệp thực phẩm đòi hỏi vốn đầu tư ít, thời gian xây dựng ngắn, quy trình sản xuất tương đối đơn giản, thời gian hoàn vốn nhanh, lợi nhuận tương đối cao. - Đây là hai ngành công nghiệp quan trọng, giải quyết nhu cầu thiết yếu về ăn uống, may mặc cho hơn 7 tỉ người trên Trái Đất. - Nguyên liệu cho 2 ngành này là sản phẩm của ngành trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Phổ biến rộng nhất là các nước đang phát triển - Phát triển công nghiệp dệt - may và công nghiệp thực phẩm có tác dụng thúc đẩy các ngành công nghiệp khác như cơ khí, hóa chất đặc biệt là nông nghiệp.	*0,5* *0,25* *0,25* *0,25*

	- Công nghiệp dệt - may và công nghiệp thực phẩm sử dụng nhiều lao động, nhất là lao động nữ, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân. - Ở nhiều nước đang phát triển công nghiệp dệt - may và công nghiệp thực phẩm đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu và giá trị sản xuất công nghiệp vì có lợi thế về lao động, thị trường và nguyên liệu.	*0,25* *0,5*
3		**3,0**
	*Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 và trang 13. - Vai trò của địa hình được thể hiện ở chỗ nó làm nền và tác động mạnh mẽ đến các yếu tố khác, trong đó có sông ngòi. - Hướng nghiêng của địa hình *(tây bắc - đông nam)* và hướng núi *(tây bắc - đông nam và tây - đông)* quy định hướng chảy của sông ngòi theo 2 hướng chính: + Hướng tây bắc - đông nam *(Sông Đà, sông Mã, sông Cả ...)*. + Hướng tây - đông *(Sông Đại, sông Bến Hải, sông Bồ ...)* - Địa hình có độ dốc lớn (*do không có bộ phận địa hình chuyển tiếp*) nên độ dốc của sông cũng lớn theo *(đặc biệt là vùng Bắc Trung Bộ)*. - Địa hình đồi núi tập trung ở phía tây, tây bắc kết hợp với hình dạng lãnh thổ làm cho chiều dài sông có sự phân hóa. + Tây Bắc: Sông dài, diện tích lưu vực lớn + Bắc Trung Bộ: Sông nhỏ, ngắn, dốc - Địa hình là nhân tố quan trọng làm chế độ nước sông (mùa lũ) có sự phân hóa theo không gian + Tây Bắc: Sông có mùa lũ từ tháng 5 đến tháng 10 trùng với mùa mưa trên phần lớn diện tích nước ta. + Bắc Trung Bộ: Sông có mùa lũ từ tháng 8 đến tháng 12 *(do ảnh hưởng của dãy Trường Sơn gây hiện tượng phơn trong mùa hạ và đón gió Đông Bắc gây mưa vào kì thu - đông)*. - Địa hình có độ dốc lớn nhưng do sông ngắn và cấu trúc nham thạch cứng nên khả năng bồi đắp phù sa cho hạ nguồn hạn chế.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0.25 0,25 0,25 0,25
4		**3,0**
a	Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, 14, 20 *Những điểm giống nhau: ▪ Thuận lợi: - Tất cả các tỉnh trong vùng đều giáp biển, vùng biển rộng, có nhiều bãi cá, tôm ven biển, nhiều loại hải sản quý, thuận lợi để đánh bắt. - Có nhiều cửa sông, đầm phá, vũng vịnh thuận lợi để phát triển nghề nuôi trồng thủy hải sản. ▪ Khó khăn: - Là vùng chịu ảnh hưởng của thiên tại bảo lũ, hạn chế số ngày đánh bắt và hoạt động nuôi trồng. *Những điểm khác nhau: ▪ Thuận lợi: - Điều kiện khai thác: + Bắc Trung Bộ: Biển nông, có điều kiện để phát triển nghề cá trong lộng, vùng biển có trữ lượng thúy sản ít hơn các ngư trường khác.	*0,25* *0,25* *0,25* *0,25* *0,25* *0,25*

	+ Duyên hải Nam Trung Bộ: Biển sâu, có điều kiện để phát triển nghề cá trong lộng, khơi xa. Vùng biển giàu thủy sản, có 2 ngư trường lớn cực Nam Trung Bộ và Hoàng Sa, Trường Sa. - Điều kiện nuôi trồng: + Bắc Trung Bộ có nhiều cửa sông, đầm phá thuận lợi phát triển nuôi trồng các loài thủy sản nước lợ. Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều vũng, vịnh thuận lợi phát triển nuôi trồng các loài thủy sản nước mặn. ▪ Khó khăn: - BắcTrung Bộ chịu ảnh hưởng của hoạt động gió mùa Đông Bắc, hiện tượng phơn Tây Nam. - Duyên hải Nam Trung Bộ chịu tác động sâu sắc của mùa khô hạn.	*0,25* *0,25* *0,25*
b	- Là cơ sở để khai thác, bảo vệ các nguồn lợi của biển, đảo và thềm lục địa. - Là căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương, tạo điều kiện để phát triển kinh tế biển *(khai thác tài nguyên sinh vật, khoáng sản, du lịch và giao thông hàng hải).*Tham gia các hoạt động quốc tế về biển. - Là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền. - Là cơ sở để khẳng định chủ quyền của đất nước đối với vùng biển, thềm lục địa quanh đảo và quần đảo.	*0.25* *0,25* *0,25* *0,25*
5		**3,0**
a	*Xử lí số liệu Cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt theo giá so sánh 2010 phân theo nhóm cây trồng. *(Đơn vị: %)*	*0,5*

Năm	Tổng số	Trong đó				
		Cây lương thực	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Rau đậu	Cây khác
2005	100	58,8	23,8	6,2	9,3	1,9
2012	100	55,6	26,8	6,3	10,0	1,3

	*Nhận xét: Cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt năm 2012 so với 2005 có nhiều thay đổi - Tỉ trọng nhóm cây lương thực giảm 3,2% và các loại cây khác giảm 0,6% - Tỉ trọng nhóm cây công nghiệp tăng nhanh (3,0%), cây rau đậu tăng nhẹ 0,7% và cây ăn quả ổn định. - Tuy nhiên tỉ trọng nhóm cây lương thực vẫn chiếm giá trị tuyệt đối (55,6%) *Giải thích: - Tỉ trọng nhóm cây công nghiệp, cây ăn quả tăng nhanh do nước ta thực hiện đa dạng hóa cơ cấu ngành trồng trọt, hai nhóm này có nhiều lợi thế (đất đai, thị trường, chính sách Nhà nước). - Nhóm cây lương thực và các loại cây khác giảm là do kém lợi thế canh tranh. - Tỉ trọng cây lương lực vẫn chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu cây trồng do đây là cây chủ lực trong ngành trồng trọt với nhiều lợi thế về tài nguyên, sức cạnh tranh và chính sách phát triển lương thực của Nhà nước.	*0,25* *0,25* *0,25* *0,25* *0,25* *0,25*
b	*Chuyển dịch cơ cấu ngành trong nông nghiệp - Các yếu tố cấu thành cơ cấu theo ngành trong nông nghiệp luôn thay đổi về số lượng và tương quan tỉ lệ phù hợp với trình độ của sức sản xuất và nhu cầu của xã hội.	*0,5* *0,5*

	- Nông nghiệp nước ta đang phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, để hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Với những đặc điểm trên đòi hỏi nước ta phải đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch trong cơ cấu nông nghiệp.	
6		**3,0**
	*Sử dụng Atlat trang 21. ▪ Giống nhau - Thuận lợi về vị trí địa lí: + Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm (phía Bắc và miền Trung). +Là hai cảng lớn của cả nước. + Có nhiều tuyến giao thông huyết mạch chạy qua. - Phong phú về tài nguyên do giáp biển - Cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ công nghiệp đồng bộ và có chất lượng. - Nguồn lao động dồi dào, có trình độ - Cơ cấu ngành tương đối đa dạng. ▪ Khác nhau - Quy mô: + Hải phòng là trung tâm quy mô lớn (giá trị sản xuất 40 - 120 nghìn tỉ đồng) + Đà Nẵng có quy mô trung bình (9 - 40 nghìn tỉ đồng). - Nguồn lực phát triển: + Hải Phòng là đỉnh của tam giác tăng trưởng, nằm gần nguồn nguyên nhiên liệu + Đà Nẵng là trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, xa các nguồn nguyên nhiên liệu. - Cơ cấu ngành + Hải Phòng nhiều ngành hơn (7 ngành) + Đà Nẵng (5 ngành)	*0,5* *0,25* *0,25* *0,25* *0,25* *0,5* *0,5* *0,5*
7		***3,0***
	*Sử dụng Atlat trang 29. Đông Nam Bộ trở thành vùng kinh tế phát triển nhất nước nhờ hội tụ được nhiều thế mạnh về tự nhiên, kinh tế - xã hội thuận lợi. ● Vị trí địa lí + Giáp Đồng bằng Sông Cửu Long (vùng lương thực, thực phẩm lớn nhất nước) + Giáp với Tây Nguyên (vùng nguyên liệu cây công nghiệp và lâm sản) + Giáp Duyên hải Nam Trung Bộ (vùng thủy sản và cây công nghiệp)\ - Các vùng trên vừa cung cấp nguyên liệu, lương thực, thực phẩm vừa là thị trường tiêu thụ sản phẩm của vùng. ● Thế mạnh về tự nhiên: + Tài nguyên đất trồng (đất feralít trên nền badan, đất xám và đất phù sa sông) thích hợp để hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn. + Khí hậu: cận xích đạo, ít bị ảnh hưởng của bão thuận lợi cho việc trồng các cây nhiệt đới có năng suất cao, ổn định. + Tài nguyên nước: Vùng được cấp nước bởi nhiều hệ sông (sông Đồng Nai, sông Bé, sông Sài Gòn) có giá trị nhiều mặt: thủy điện, giao thông, nông - công nghiệp, sinh hoạt ... + Tài nguyên lâm nghiệp: tuy không nhiều nhưng có ý nghĩa lớn về bảo vệ môi trường, du lịch, nguyên liệu cho công nghiệp giấy, gỗ dân dụng ...	*0,5* *0,25* *0,25* *0,25* *0,25*

	+ Tài nguyên khoáng sản: nổi bật là dầu khí và vật liệu xây dựng	*0,25*
	+ Tài nguyên biển: ngư trường lớn, thuận lợi cho phát triển du lịch, giao thông.	*0,25*
	● Thế mạnh về kinh tế - xã hội	
	+ Dân cư và nguồn lao động: Dân số đông (14,9% cả nước), lao động có tay nghề và chuyên môn kĩ thuật cao, năng động, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và công nghệ mơi.	*0.25*
	+ Cơ sở vật chất kĩ thuật: là vùng có cơ sở vật chất kĩ thuật hoàn thiện nhất nước, hệ thống giao thông vận tải, thông tin liên lạc phát triển mạnh. Các cơ sở hạ tầng khác như thương mại, ngân hàng, mạng lưới phục vụ phát triển hơn vùng khác.	*0,25*
	+ Tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất có năng lực sản xuất lớn	*0,25*
	+ Thu hút được vốn đầu tư lớn nhất nước.	*0,25*

Hết